

Số: 6768/QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp hệ đào tạo đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2716/NQ-HĐT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Biên bản cuộc họp xét tốt nghiệp ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng xét tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-ĐHNN ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Ngoại ngữ hệ chính quy cho 178 sinh viên đợt tháng 12 năm 2025. Trong đó khóa QH2021.F1: 139 sinh viên, QH2020.F1: 26 sinh viên, QH2019.F1: 13 sinh viên.

Khóa QH2021.F1

Ngành Sư phạm tiếng Anh	10 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	63 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	12 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	34 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	10 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Ả Rập	02 sinh viên

Khóa QH2020.F1

Ngành Sư phạm tiếng Anh	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	18 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	02 sinh viên

Khóa QH2019.F1

Ngành Sư phạm tiếng Anh	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	07 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	02 sinh viên

Điều 2. Trưởng phòng Quản trị đại học, Trưởng phòng Đào tạo và Người học, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo, cấp bằng);
- HT, các PHT (để báo cáo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: QTĐH, ĐT&NH, Lh03.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hà Lê Kim Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041287	Vũ Minh Anh	16/10/2002	Nữ	Quảng Ninh	3.48	Giỏi	
2	21040681	Lê Thị Thùy Dung	02/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.44	Giỏi	
3	21040693	Vương Thị Việt Hoàn	04/08/2003	Nữ	Nghệ An	3.73	Xuất sắc	
4	21040526	Nguyễn Thu Hồng	05/12/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.61	Xuất sắc	
5	21040518	Hà Thị Tùng Lâm	24/09/2003	Nữ	Nghệ An	3.65	Xuất sắc	
6	21040108	Đoàn Khánh Linh	20/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.64	Xuất sắc	
7	21040329	Nguyễn Tú Oanh	28/09/2002	Nữ	Hà Tĩnh	3.38	Giỏi	
8	21040706	Đặng Thu Trà	02/11/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.51	Giỏi	
9	21040730	Hoàng Thị Trà	21/06/2003	Nữ	Cao Bằng	3.10	Khá	
10	21040707	Lê Huyền Trang	30/12/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.68	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 10 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040774	Đỗ Hà An	29/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi	
2	21040780	Hà Minh Anh	05/10/2003	Nữ	Lào Cai	3.39	Giỏi	
3	21040521	Ngô Thị Lan Anh	26/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
4	21040793	Nguyễn Phương Anh	26/11/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.51	Giỏi	
5	21040797	Nguyễn Trần Phương Anh	11/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.56	Giỏi	
6	21040798	Nguyễn Vân Anh	16/09/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.57	Giỏi	
7	21040245	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/04/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.84	Xuất sắc	
8	21040634	Nguyễn Lê Bảo Châu	13/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.50	Giỏi	
9	21040812	Hoàng Thị Kim Chi	06/06/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.20	Giỏi	
10	21040820	Mai Thị Diễm	19/02/2003	Nữ	Ninh Bình	3.47	Giỏi	
11	21040095	Đặng Kim Duyên	04/05/2003	Nữ	Hung Yên	3.68	Xuất sắc	
12	21040548	Nguyễn Thái Dương	26/06/2003	Nam	Hà Nội	3.68	Xuất sắc	
13	21040828	Triệu Thùy Dương	09/02/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.36	Giỏi	
14	21040830	Đào Công Đức	25/08/2003	Nam	Hung Yên	3.60	Xuất sắc	
15	21040590	Lê Hoàng Giang	30/05/2003	Nam	Hung Yên	3.64	Xuất sắc	
16	21040842	Nguyễn Phương Hà	09/03/2003	Nữ	Nghệ An	3.70	Xuất sắc	
17	21040845	Phạm Thị Hà	30/05/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.52	Giỏi	
18	21040852	Nguyễn Thị Minh Hằng	19/11/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.64	Xuất sắc	
19	21040413	Nguyễn Đức Huy	16/01/2003	Nam	Hà Nội	3.51	Giỏi	
20	21041015	Nguyễn Khánh Huyền	31/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.83	Xuất sắc	
21	21040871	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22/10/2003	Nữ	Nghệ An	3.40	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
22	21040391	Nguyễn Hoàng Linh Hương	04/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.67	Xuất sắc	
23	21040306	Nguyễn Khánh Linh	26/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.42	Giỏi	
24	21040890	Nguyễn Thị Phương Linh	15/11/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.20	Giỏi	
25	21040897	Trương Khánh Linh	13/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.49	Giỏi	
26	21041031	Trương Khánh Linh	29/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.48	Giỏi	
27	21040648	Tạ Thị Loan	21/03/2003	Nữ	Ninh Bình	3.31	Giỏi	
28	21040268	Trần Thị Loan	08/02/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.42	Giỏi	
29	21040226	Lại Thị Khánh Ly	16/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.47	Giỏi	
30	21041032	Nguyễn Hoàng Hương Ly	09/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.21	Giỏi	
31	21040901	Ngô Thị Ngọc Mai	31/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.43	Giỏi	
32	21040902	Nguyễn Lê Hiếu Mai	22/12/2003	Nữ	Nghệ An	3.54	Giỏi	
33	21040903	Nguyễn Phương Mai	21/11/2003	Nữ	Hưng Yên	3.40	Giỏi	
34	21040905	Nguyễn Thị Thanh Mai	06/07/2001	Nữ	Hải Phòng	3.28	Giỏi	
35	21041036	Lê Hồng Minh	02/09/2003	Nữ	Ninh Bình	3.38	Giỏi	
36	21040404	Nguyễn Thị Thùy Minh	09/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.29	Giỏi	
37	21040911	Vũ Ngọc Minh	09/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.58	Giỏi	
38	21040913	Hà Thị Quỳnh Nga	27/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.34	Giỏi	
39	21041038	Đỗ Thị Thu Ngọc	13/12/2003	Nữ	Ninh Bình	3.68	Xuất sắc	
40	21041040	Nguyễn Hồng Ngọc	11/10/2003	Nữ	Phú Thọ	3.56	Giỏi	
41	21040921	Vũ Thị Hồng Ngọc	16/04/2003	Nữ	Phú Thọ	3.59	Giỏi	
42	21041046	Lê Yến Nhi	26/08/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.61	Xuất sắc	
43	21040138	Nguyễn Kim Oanh	02/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.68	Xuất sắc	
44	21040928	Bùi Bích Phương	29/01/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.31	Giỏi	
45	21040397	Đinh Quỳnh Phương	16/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	
46	21041047	Hoàng Thu Phương	25/07/2003	Nữ	Hải Phòng	3.60	Xuất sắc	
47	21040931	Phan Thị Phương Phương	25/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi	
48	21040933	Phạm Bích Phương	27/10/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.62	Xuất sắc	
49	21040935	Nguyễn Xuân Quý	26/11/2003	Nam	Thanh Hóa	3.31	Giỏi	
50	21041049	Lê Thuý Quỳnh	05/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.38	Giỏi	
51	21040939	Võ Thanh Quỳnh	07/10/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.01	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
52	21040674	Trần Thanh Thảo	28/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.70	Xuất sắc	
53	21041062	Vũ Phương Thảo	22/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.30	Giỏi	
54	21040525	Hoàng Minh Thu	04/01/2003	Nữ	Ninh Bình	3.54	Giỏi	
55	21040121	Đinh Nguyễn Anh Thư	13/11/2003	Nữ	Ninh Bình	3.58	Giỏi	
56	21040964	Nguyễn Minh Trang	08/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.41	Giỏi	
57	21040968	Nguyễn Thị Thu Trang	16/07/2003	Nữ	Hưng Yên	3.38	Giỏi	
58	21040655	Thân Thùy Trang	06/12/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.64	Xuất sắc	
59	21040972	Bàn Hữu Tuấn	28/02/2003	Nam	Thái Nguyên	3.49	Giỏi	
60	21040976	Nguyễn Thị Tuyết	20/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.49	Giỏi	
61	21040980	Nguyễn Hồng Vân	01/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.69	Xuất sắc	
62	21040593	Nguyễn Khánh Vy	22/01/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.48	Giỏi	
63	21040652	Lại Thị Hải Yến	22/02/2003	Nữ	Ninh Bình	3.61	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 63 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040909	Ngô Chí Nguyên	22/03/2002	Nam	Bắc Ninh	3.31	Giỏi	
2	21040019	Phạm Minh Phương	17/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.42	Giỏi	
3	20041695	Nông Hoàng Uy	26/06/2001	Nam	Lào Cai	2.89	Khá	

Danh sách gồm: 3 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khoá: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040740	Đinh Ngọc Anh	06/01/2001	Nữ	Ninh Bình	3.03	Khá	
2	20040224	Nguyễn Thị Lan Anh	04/03/2002	Nữ	Hải Phòng	3.41	Giỏi	
3	20040233	Trần Minh Ngọc Anh	16/11/2002	Nữ	Hà Nội	3.21	Giỏi	
4	19041823	Vi Hồng Ánh	16/03/2000	Nữ	Nghệ An	2.88	Khá	
5	20041412	Hoàng Thị Bích Hằng	20/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.55	Giỏi	
6	21040853	Trần Thu Hằng	08/05/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.80	Xuất sắc	
7	20041419	Nguyễn Thị Huệ	10/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.34	Giỏi	
8	21040389	Trần Thanh Hương	05/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.62	Xuất sắc	
9	21040396	Nguyễn Việt Khoa	12/12/2003	Nam	Hà Nội	3.05	Khá	
10	21040356	Lê Hoàng Hà My	09/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.83	Xuất sắc	
11	20040403	Phạm Hương Nam	15/06/2002	Nữ	Hải Phòng	3.57	Giỏi	
12	20040925	Liêu Đình Anh Nhật	09/07/2002	Nam	Sơn La	3.18	Khá	
13	20041445	Trần Thị Kim Oanh	09/07/2002	Nữ	Hà Tĩnh	3.16	Khá	
14	20040470	Nguyễn Thị Út Thom	03/03/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.54	Giỏi	
15	21040954	Đặng Lê Thương	16/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.76	Xuất sắc	
16	20040488	Đặng Thu Trang	30/08/2002	Nữ	Quảng Ninh	3.56	Giỏi	
17	21040279	Trần Ngọc Trâm	26/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	
18	20041317	Nguyễn Thị Minh Tú	27/07/2002	Nữ	Hà Nội	3.73	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 18 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040380	Trần Đăng Quang	09/02/2001	Nam	Hà Nội	3.38	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khoá: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040754	Nguyễn Phương Anh	15/03/2001	Nữ	Hà Nội	3.32	Giỏi	
2	19040775	Nguyễn Nguyệt Ánh	27/09/2001	Nữ	Phú Thọ	3.19	Khá	
3	19040827	Vương Cẩm Hà	16/11/2001	Nữ	Hà Tĩnh	3.16	Khá	
4	19040917	Tô Thị Diệu Linh	05/12/2001	Nữ	Phú Thọ	3.30	Giỏi	
5	19040941	Trần Thị Hồng Mến	06/06/2001	Nữ	Hung Yên	3.32	Giỏi	
6	19041005	Trần Thị Sim	08/04/2001	Nữ	Hung Yên	3.15	Khá	
7	19041046	Đinh Thị Huyền Trang	28/12/2001	Nữ	Quảng Ninh	3.45	Giỏi	

Danh sách gồm: 7 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành đào tạo: 7220201

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040476	Vũ Thị Minh Ngọc	29/06/2001	Nữ	Hải Phòng	3.42	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041092	Bùi Thu Huyền	12/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.63	Xuất sắc	
2	21041097	Nguyễn Thị Hải Linh	29/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.56	Giỏi	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220203CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041169	Vũ Thị Hời	03/06/2003	Nữ	Hưng Yên	3.27	Giỏi	
2	21041228	Trịnh Huyền Nga	24/06/2003	Nữ	Thanh Hóa	2.95	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040097	Nguyễn Phương Anh	05/02/2003	Nữ	Hưng Yên	3.03	Khá	
2	21041298	Tần Lan Anh	24/02/2003	Nữ	Lào Cai	2.75	Khá	
3	21041274	Vì Thị Nam	16/08/2003	Nữ	Sơn La	2.76	Khá	
4	21041278	Hoàng Thị Nhung	23/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	

Danh sách gồm: 4 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040198	Lê Tú Linh	31/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.14	Khá	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040867	Nguyễn Minh Anh	10/09/2002	Nữ	Hải Phòng	3.60	Xuất sắc	
2	21041354	Nguyễn Thị Việt Hà	06/02/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.14	Khá	
3	21041356	Nguyễn Thị Huệ	08/05/2003	Nữ	Phú Thọ	3.01	Khá	
4	20040908	Hoàng Đức Linh	31/08/2002	Nam	Cao Bằng	3.12	Khá	
5	21041412	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.28	Giỏi	
6	21040338	Trần Thị Khánh Linh	16/01/2003	Nữ	Phú Thọ	3.31	Giỏi	
7	21041414	Ngô Thị Thanh Minh	04/05/2003	Nữ	Hải Phòng	3.15	Khá	
8	21041418	Trần Thị Hồng Ngọc	23/05/2003	Nữ	Ninh Bình	3.21	Giỏi	
9	20040937	Đinh Thị Phương	17/08/2002	Nữ	Thanh Hóa	3.20	Giỏi	
10	21041376	Nguyễn Hồng Quyên	06/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.59	Giỏi	
11	21041383	Đào Việt Hà Thương	28/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.17	Khá	
12	21041422	Vũ Xuân Tùng	02/05/2003	Nam	Ninh Bình	2.98	Khá	

Danh sách gồm: 12 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2020.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041396	Nguyễn Thị Lan Anh	16/09/2001	Nữ	Bắc Ninh	2.47	Trung Bình	
2	20040881	Phan Hà Chi	01/10/2002	Nữ	Hà Nội	3.08	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041412	Nguyễn Phương Dung	18/11/2001	Nữ	Bắc Ninh	2.81	Khá	
2	19041485	Trần Thị Thu Vân	27/10/2001	Nữ	Phú Thọ	2.84	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041494	Bùi Phương Anh	23/06/2003	Nữ	Ninh Bình	3.37	Giỏi	
2	21040134	Nguyễn Hoàng Anh	06/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.51	Giỏi	
3	21040635	Nguyễn Phương Anh	19/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.65	Xuất sắc	
4	21041499	Nguyễn Quỳnh Anh	02/01/2003	Nữ	Ninh Bình	3.08	Khá	
5	21040582	Vũ Đức Anh	21/09/2003	Nam	Hà Nội	3.31	Giỏi	
6	21040624	Bùi Thị Minh Ánh	14/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.52	Giỏi	
7	21041501	Đặng Thị Quỳnh Chi	13/04/2003	Nữ	Phú Thọ	3.24	Giỏi	
8	21041505	Nguyễn Phương Dung	20/06/2003	Nữ	Hưng Yên	3.41	Giỏi	
9	21041435	Trần Thùy Dương	26/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi	
10	21041440	Nguyễn Thúy Hà	27/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.25	Giỏi	
11	21041509	Trần Phạm Quỳnh Hoa	17/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.11	Khá	
12	21041510	Trương Thanh Huệ	14/09/2003	Nữ	Phú Thọ	3.22	Giỏi	
13	21041442	Nguyễn Thị Huyền	09/02/2003	Nữ	Phú Thọ	3.20	Giỏi	
14	21041446	Nguyễn Thị Mai Hương	27/07/2003	Nữ	Hưng Yên	3.44	Giỏi	
15	20041615	Phạm Thảo Hương	26/09/2002	Nữ	Ninh Bình	3.04	Khá	
16	21041517	Chu Thị Bích Hường	27/05/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.28	Giỏi	
17	21041447	Vũ Thị Thu Hường	11/02/2003	Nữ	Ninh Bình	3.39	Giỏi	
18	21041518	Nguyễn Thị Vân Khánh	23/09/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.06	Khá	
19	21041519	Trịnh Thị Vân Khánh	07/01/2003	Nữ	Ninh Bình	3.45	Giỏi	
20	20040607	Đỗ Mai Lan	06/10/2002	Nữ	Hà Nội	3.87	Xuất sắc	
21	21040547	Lê Hải Linh	10/04/2003	Nữ	Lai Châu	3.34	Giỏi	
22	21040534	Trương Thị Khánh Linh	15/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.35	Giỏi	
23	21040006	Nguyễn Thảo Ly	05/07/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.34	Giỏi	
24	21041457	Phan Thị Ly	13/04/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.37	Giỏi	
25	21041458	Thiệu Khánh Ly	02/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.56	Giỏi	
26	21041462	Nguyễn Thị Thanh Nga	19/02/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.36	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
27	21040010	Đặng Thị Hạ Ngân	31/10/2003	Nữ	Nghệ An	3.42	Giỏi	
28	21040034	Phạm Thị Thu Ngân	07/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.55	Giỏi	
29	21041532	Trần Hoàng Tú Ngân	21/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.28	Giỏi	
30	21041470	Nguyễn Hồng Nhung	10/09/2003	Nữ	Phú Thọ	3.39	Giỏi	
31	21040119	Nguyễn Thị Nhung	15/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.57	Giỏi	
32	21041481	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.32	Giỏi	
33	21040348	Vũ Thị Thu Thúy	05/06/2003	Nữ	Hải Phòng	3.43	Giỏi	
34	21041486	Đào Thị Thùy Trang	12/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.16	Khá	

Danh sách gồm: 34 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040494	Nguyễn Đức Việt Hoàng	30/04/1998	Nam	Hải Phòng	3.74	Xuất sắc	
2	20041101	Vũ Thị Hà Trang	31/05/2002	Nữ	Hải Phòng	3.36	Giỏi	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220210CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041580	Nguyễn Thị Châu Giang	08/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.25	Giỏi	
2	21041589	Nguyễn Thị Thu Hậu	23/03/2003	Nữ	Phú Thọ	3.54	Giỏi	
3	21040232	Trần Thị Ngọc Huệ	02/01/2003	Nữ	Phú Thọ	3.33	Giỏi	
4	21041673	Lê Thị Hồng Nhung	20/04/2003	Nữ	Hải Phòng	3.51	Giỏi	
5	21041680	Nguyễn Thị Hoài Phương	19/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.29	Giỏi	
6	20041734	Nguyễn Như Quỳnh	05/12/2001	Nữ	Lạng Sơn	2.82	Khá	
7	21041681	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	25/07/2003	Nữ	Ninh Bình	3.38	Giỏi	
8	21041619	Trần Thị Phương Thảo	17/05/2003	Nữ	Nghệ An	3.24	Giỏi	
9	21041626	Trần Thị Anh Thư	04/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.20	Giỏi	
10	21041692	Đinh Thùy Trang	05/06/2003	Nữ	Ninh Bình	2.85	Khá	

Danh sách gồm: 10 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220210CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041677	Phạm Ngọc Anh	03/07/2001	Nữ	Hà Nội	2.98	Khá	
2	19040256	Phạm Nhật Linh	26/11/2001	Nữ	Lào Cai	3.29	Giỏi	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 6768 ngày 22/12/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Ả Rập

Mã ngành đào tạo: 7220211

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041270	Nguyễn Hồng Phúc	21/06/2002	Nam	Hưng Yên	3.42	Giỏi	
2	20041690	Nguyễn Thị Quỳnh	27/10/2001	Nữ	Bắc Ninh	3.02	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa